

thường thức khúc nhạc trời du dương tuyệt kỹ.

Năm 1873 vào tháng ba hay tư, từ Odessa Helena đột ngột đi Paris, ngụ tại đó với anh em họ và sang tháng 7 thì đi New York. Gia đình rất ngạc nhiên vì Helena không đưa ra lời giải thích nào, chỉ khi đã sang Hoa Kỳ (1873-4) cả nhà mới lần đầu tiên được thư cô viết nói về thầy của mình, rằng cô được lệnh Chân sư đi Mỹ mà không cho biết lý do. Cô bảo mình không nói gì về các ngài cho gia đình hay vì cả nhà sẽ không hiểu, không tin và Vera xác nhận tự nhiên là vậy. Thí dụ khi về với gia đình năm 1872 ở Odessa và được nghe thuật lại về lá thư của đức K.H., Helena giải thích cho bà dì Nadyezhda rằng thư ấy không phải là của người khuất mặt, đưa bằng cơ các Chân sư là người sống bằng xương bằng thịt, thì bà dì tin các nhân vật này chỉ là ma quỷ, hay bán linh hồn cho Satan. Bà dì là người có thiện tâm, hiền lành, nhút nhát rất được Helena thương mến, nhưng từ đó cô ngậm miệng không nói thêm với bà dì về các Chân sư.

Tuy thế Helena hằng hái bèo ven các ngài, bảo với gia đình rằng Chân sư (đức M) rất đổi kính trọng lời dạy của đức Chúa. Cô thuật là trong thời gian tại Tibet, có lúc cô ở bảy tuần liền trong rừng gần dãy núi Karakoram, chỉ có một mình tách biệt hẳn với thế giới nhưng hằng ngày được Chân sư đến thăm. Ở đó Helena được cho thấy một đền thờ trong hang chứa nhiều tượng của các đấng huấn sư cao cả trên thế giới, trong số có tượng của đức Chúa mô tả phút ngài thứ tội cho Mary Magdalene, tượng đức Phật hứng nước trong lòng bàn tay cho một người hành khất uống, và tượng đức Ananda uống nước từ lòng bàn tay một cô gái điếm thuộc giai cấp hạ tiện. Ngày nay khi có khám phá hàng trăm hang động với các tượng Phật, Bồ Tát, tranh vẽ đầy màu sắc hết sức sống động ở Đôn Hoàng, trong sa mạc phía tây của Trung Hoa, lời kể của Helena không còn nét hoang đường nữa. Nói thêm về Nadyezhda, dù có ngộ nhận trên ta ghi rằng nhiều năm về sau, bà Nadyezhda sinh hoạt trong chi bộ hội tại Odessa và có lần làm chi trưởng.

Trở lại chuyện, Helena thuật rằng một hôm tại Paris, cô được lệnh của Chân sư đi New York và chờ lệnh khác tại đó. Helena lập tức lấy vé hạng nhất sang New York trên tàu khởi hành ngay hôm sau tại Le Havre, trong túi chỉ dư được vài đồng. Khi sắp xuống tàu cô thấy một thiếu phụ với hai con nhỏ ngồi khóc trên bến, Helena hỏi:

- Tại sao chị khóc ?

Thiếu phụ đáp rằng chồng mình gửi tiền từ Hoa Kỳ cho gia đình sang đoàn tụ với ông. Bà chỉ đủ tiền mua vé hạng ba dưới hầm tàu nhưng khi soát vé thì hóa ra là vé giả, nay bà hết sạch tiền và bơ vơ ở chỗ xa lạ. Helena lập tức đáp:

- Chị theo tôi.

Cô tới phòng bán vé, đổi vé hạng nhất sang vé hạng ba ở hầm tàu cho chính mình và gia đình thiếu phụ. Ta có nói Helena lên đường với rất ít lộ phí, đó là tiền riêng của cô còn ngoài ra cùng với lệnh của Chân sư cô được giao một khoản tiền lớn để mang sang Hoa Kỳ, và sẽ có chỉ dẫn cách dùng khi tới nơi. Đối với Helena cô luôn vâng lời của thầy nên làm theo không thắc mắc. Câu chuyện đổi vé được lộ ra khi tàu đến New York, một ký giả xuống tàu phỏng vấn những di dân mới đến Hoa Kỳ, được nghe chuyện là có phụ nữ quý tộc người Nga đi vé hầm tàu để giúp người khác. Cô tìm hiểu thêm và viết bài tường thuật trên báo ngày 26 - 9 - 1873.

Thông Linh Học (Spiritualism)

Có lẽ nên nói qua một chút về hoạt động của phong trào Thông linh học vào thời của bà Blavatsky, tức thế kỷ 19. Giống như nhiều việc khác, phong trào được thành lập do nỗ lực từ bên trong. Ta được biết vị Chân sư khởi xướng là đức Hilarion đứng đầu cung Khoa Học tức cung 5, trong kiếp hiện thời sinh quán của ngài là đảo Crete và tiền thân của ngài là thánh Paul. Công việc chính yếu của Chân sư về mặt này liên quan đến những khả

năng siêu hình và sự phát triển các khả năng ấy trong một số người. Nguyên do xa của Thông linh học liên hệ đến Thiên Chúa giáo và giống dân thứ năm. Thiên Chúa được thành lập phần lớn cho người có lòng sùng tín, đầu vậy có nhiều người đi kèm theo lòng sùng mộ và khuynh hướng tôn giáo là trí óc suy luận mạnh mẽ, họ cần một sinh hoạt có tính chất khoa học do đó Thông linh học được gọi hứng để đáp lại nhu cầu đó. Phương pháp mà khoa này sử dụng vẫn còn nằm trong giai đoạn sơ khai chưa kiện toàn và đang phát triển cả ở cõi trần và những cõi thanh.

Thông linh học bị chế diễu và mang nhiều tai tiếng vì người ta chưa biết rõ cách luật tác động ở những cõi của sự sống. Người dễ tin đi cầu hồn, cho rằng linh hồn ai đã khuất ở thế giới bên kia có thể liên lạc với người còn sống qua trung gian đồng cốt và đưa tin chính xác, nhưng đó là niềm tin sai lầm. Thí dụ hay thấy là hai người bạn thân giao ước với nhau, hẹn là ai qua đời trước sẽ về liên lạc với người còn sống tuy nhiên chuyện không thành. Lý do không phải là vì không có sự sống sau khi chết, mà chỉ vì hai người này không biết những khó khăn khi muốn làm thế. Thường thường ai có thắc mắc về việc này có trí suy luận mạnh và ít cảm xúc, tính chất ấy chỉ làm công chuyện khó hơn. Người thiên về lý trí khi qua đời sẽ ngụ ở cõi tinh cảm trong thời gian rất ngắn, không đủ cho họ học kỹ thuật liên lạc với cõi trần. Sau đó họ mau lẹ sang cõi hạ trí và nếu muốn liên lạc với bạn còn ở cõi trần, họ phải học cách tiếp xúc từ cõi trí.

Tuy vậy trong buổi đầu của Thông linh học cũng như ngày nay, đa số đồng cốt không thể truyền thông tin từ cõi khác ngoài cõi tinh cảm, ai ở cõi trí phải dùng 'trạm tiếp vận' và khi tin truyền đến người dự buổi cầu hồn thì nó đã biến thể ít nhiều, có khi tới mức chỉ là lời đầu Ngô mình Sở không nghĩa lý. Ai đây lòng nghi ngờ chuyện vô hình sẽ xem đây là bằng chứng để cho rằng Thông linh học là vô giá trị và bác bỏ khoa này, còn nếu dùng hiểu biết về huyền bí học thì ta có thể giải thích như sau. Đồng cốt thường chỉ tiếp xúc được những cảnh thấp của cõi tinh cảm, đây là chỗ cư ngụ của đa số người đã khuất, có ít trí thông minh và phần tinh thần chưa phát triển mạnh. Khi có dịp tiếp xúc với cõi trần qua đồng cốt, người đã khuất mà có khuynh hướng giảng đạo sẽ nắm lấy cơ hội để 'giảng chân lý', lập lại những khuôn sáo đạo đức có thể được tìm thấy trong bất cứ sách vở đạo lý nào dưới trần, nói khác đi không có gì sâu xa huyền diệu nhưng được mạnh mẽ tuyên bố, tự xưng mình là thần thánh thậm chí cả Thượng đế khiến người nghe mà không có óc phân biện tưởng thật. Trên thực tế những lời này không hề là dấu hiệu của một linh hồn tiến hóa, bởi ta chớ quên rằng những đáng cao cả làm việc từ cõi trí trở lên và phần việc của con người là phát triển khả năng để tiếp xúc được với các ngài ở nơi đây, hoạt động ở cõi của các ngài mà không phải ngược lại.

Vị Chân sư coi sóc phong trào Thông linh học đang nỗ lực phát triển một kỹ thuật để giúp con người liên lạc được với cõi trí thay vì cõi tinh cảm, nơi đây huyền mộng và cảm xúc. Vài phần của kỹ thuật này là người đồng cốt có học thức rộng, có văn hóa, họ càng phát triển chừng nào thì việc làm trung gian càng chính xác chừng ấy. Phần khác là tạo bầu không khí thích hợp cho việc liên lạc với cõi trí, tức chơi một loại nhạc trước buổi cầu hồn nhằm làm dịu xuống và hòa hợp thể tinh cảm của người dự, để không có cảm xúc thiếu kiểm soát thu hút các thực thể ở cõi tinh cảm. Chi tiết thêm về việc này có thể đọc trong hai quyển:

- *An Outline of Modern Occultism* by Cyril Scott.
- *Through the Eye of the Masters* by David Anrias.

Nguyên do gần của việc thành lập Thông linh học là để làm đảo ngược lại khuynh hướng vô thần của thế kỷ 19. Thế kỷ 19 là lúc có nhiều tiến bộ khoa học đây hứng thú làm cho một số người nghi ngờ tín điều vô lý của tôn giáo, chỉ trích tín điều khó chấp thuận của tôn giáo và chọn thuyết vô thần. Việc đáng nói là chủ trương vô thần tự nó cũng được các Chân sư gọi hứng, để làm quân bình niềm tin tôn giáo khe khắt trong xã hội tây

phương bấy giờ, nhưng óc vô thần phát triển quá độ và có vẻ đi xa hơn dự tính cho nó vì vậy Thông linh học được khai sinh để giảm bớt phần nào tính vô thần.

Giải thích thêm thì nhiều người vô thần tin tưởng mạnh mẽ rằng không có Thượng đế, linh hồn, hay đời sống sau khi chết. Theo họ thì chết là... hết chuyện. Nhìn về mặt huyền bí học quan điểm này cho ra kết quả không thuận lợi chút nào khi họ qua đời, nếu ai đó nhất quyết bác bỏ việc có sự sống ở bên kia thì sau khi rời bỏ xác thân, họ sẽ say ngủ trong lớp vỏ hay hình tư tưởng do chính mình tạo ra, hoàn toàn bị cắt đứt với tâm thức của linh hồn trên cao cũng như khung cảnh chung quanh cho tới khi hình tư tưởng ấy tan rã. Đó là karma của đầu óc khăng khăng không tin, và thường khi sự bác bỏ này là nhân quả của việc lạm dụng hiểu biết huyền bí trong quá khứ. Vào thế kỷ 19 con số người duy vật đi quá trốn thuộc loại này tăng lên, khiến theo quan điểm của Chân sư thì để Thông linh học phát triển là điều nên làm. Say ngủ nhiều năm là việc vô ích và uổng phí thời gian, làm trì trệ đáng kể sự tiến bộ; mà nhiều linh hồn tự tạo cho mình điều ấy thường không phải là người tiến hóa thấp, họ có thể rất hữu dụng ở cõi cao nên tình trạng này tránh được chừng nào tốt chừng ấy. Nếu con người muốn ngoan cố thì tốt hơn để họ ngoan cố về chuyện có thể giúp họ hơn là chuyện có thể ngăn trở họ. Thuyết duy vật sẽ không hề giúp cho cá nhân hay nhân loại được hạnh phúc và tiến bộ, nhưng Thông linh học có thể làm được cả hai việc này.

Nguyên nhân gần khác là đức Di Lạc hay đức Chúa, do thấy trước việc sẽ có hai thế chiến I và II, muốn có một phong trào có thể mang lại an ủi cho người còn sống theo cách mà Thiên chúa giáo không làm được. Linh mục và mục sư tuy giảng về cõi thiên đàng và sự tái hợp với người mà ta thương mến, nhưng chưa vị nào đã qua cõi thiên đàng và trở về kể chuyện mắt thấy tai nghe cho tín đồ hay làm bằng chứng cho lời thuyết giảng của mình. Khi gặp tai biến như hai thế chiến, con người không còn thỏa mãn với lời hứa mơ hồ mà muốn có bằng chứng hiển hiện là họ có thể liên lạc với thân nhân đã qua đời. Rồi ta phải kể đến hàng ngàn kẻ đau khổ vì mất người thân mà tôn giáo và tín điều mất sức hấp dẫn với họ. Vì thế mà có phong trào Thông linh học cũng rất nhiều sách vở nói về đời sống sau khi chết không theo quan điểm của tôn giáo, trong đó có hai quyển mà PST đã cho đăng là 'Bài Học Nhân Quả' và 'Hành Trình một Linh Hồn', nay mang lên website này. Sang cuối thế kỷ 20 ta có một loạt sách khác nói về kinh nghiệm cận tử (near death experience), tức là nỗ lực khác nhằm ngăn chặn thuyết duy vật và đưa bằng chứng về cõi vô hình, sự sống bất tử. Nói chung nhiều người thấy những sách loại này đáng tin, nó làm họ suy nghĩ và khiến họ tìm hiểu sâu xa hơn. Về điểm này vị Chân sư nói ở trên cũng đóng vai trò tích cực, trong nhiều trường hợp ngài gieo vào trí của thi sĩ và văn sĩ ý tưởng triết lý cao đây thì vị để những người này diễn đạt lại theo khả năng của họ qua thơ văn.

Lời Đồn Đãi.

HPB du hành luôn từ năm rời Nga 1849 cho đến 1873. Đặc điểm những chuyến đi này không phải là du lịch mà là tìm hiểu về hoạt động huyền bí, cùng học hỏi chuyện tâm linh ở các nơi trên thế giới. Helena gặp người da đỏ tại Mỹ châu, tới những nơi xa xôi vắng vẻ của nam Mỹ, sang Ấn Độ và Tibet vài lần, đi tới cả Cam Bốt. Có vẻ như đây là giai đoạn chuẩn bị cho việc làm sau này của Helena khi thành lập hội. Trên đất Mỹ hoạt động của Helena bước sang giai đoạn khác và có tính chất khác, không kém phần ly kỳ lạ lùng như đoạn đời của cô trước 1873. Do việc làm của mình HPB bị một số người chỉ trích và họ tìm cách hạ uy tín của bà như làm lan truyền những chuyện không có thật. Vì vậy trước khi tiếp chuyện của Helena tại New York, ta ngưng tại đây một chút để nói tới các đồn đãi về HPB trong giai đoạn trước 1873.

Gia đình của Helena là nạn nhân trực tiếp của lời đồn đãi vì họ thuộc dòng dõi quý tộc có địa vị trong xã hội Nga (ông ngoại, chú, bác, cậu là tướng, em họ Helena về sau là bộ trưởng rồi thủ tướng đầu tiên của Nga:

Sergei de Witte với mẹ của Sergei là Catherine em gái của mẹ Helena). Việc cô nhiều năm ở ngoài nước xa nhà, du hành những chỗ hẻo lánh xa cách thế giới văn minh cho người ác ý cơ hội để thêu dệt điều không thật về Helena. Bà di Nadyezhda viết:

- Thân quyến của HPB rất ngạc nhiên và đau lòng khi đọc những bài nói là tiểu sử của Helena, ghi rằng cô được giới thượng lưu sang trọng lẫn giới hạ lưu thấp kém (hàm ý làm điểm) biết đến ở Vienna, Berlin, Warsaw và Paris, gán ghép tên của Helena với sự việc và chuyện kể tại những thành phố ấy vào lúc mà gia đình có bằng chứng rất rõ là cô ở xa Âu châu. Những chuyện kể này nói luông tuông về Helena, cho cô đủ các tên như Julie, Nathalie v.v., thấy ngay đó là những người khác có cùng một họ Blavatsky.

Đổi ngược lại thì ngay trong lúc HPB còn sống và sau khi bà qua đời, nhân chứng từng gặp bà trong những cuộc du hành ở Âu, Á và nam Mỹ lên tiếng, đưa ra bằng cứ hỗ trợ cho những gì HPB viết về hoạt động của mình trước 1873. Người đồng thời đã gặp Helena tại Cairo nay cư ngụ tại New York và tiếp tục liên lạc khi cô tới đây, viết:

- (HPB bị nhầm lẫn với nhiều người) Chỉ mới tuần qua (1877) tôi nhận được thư từ Aden, Arabia, hỏi bà Blavatsky viết bộ Isis có phải là bà Blavatsky thật sự có nhiều người quen biết ở Cairo mấy năm về trước hay không, vì người bạn cho hay là bà Blavatsky thật sự đã qua đời ở Aden năm 1868. Chuyện nhầm lẫn này vỡ lẽ khi nữ bá tước Lydia de Pashkoff, người du hành nhiều năm và là hội viên của Geographical Society of France, biết một phụ nữ tên Nathalie Blavatsky mất tại Aden. May mắn là nữ bá tước cũng biết HPB, từng gặp bà tại Syria, Ai Cập và nhiều nơi khác ở đông phương.

Năm 1875 người khác viết cho ông Olcott rằng năm 1873 họ qua Paris học đại học và quen biết Helena ở đó. Khi ấy Helena cư ngụ tại nhà của một người bà con, và người Mỹ này thường lui tới nhà người bà con đó của Helena để thăm viếng gần như là hằng ngày, dành nhiều thời gian để trò chuyện với cô ngoài giờ học do đó quan sát được sinh hoạt của Helena tại Paris. Họ kể bà dùng thì giờ để vẽ và viết, ít khi ra khỏi nhà. Nhân vật này cho biết rất quý chuộng Helena, tư cách của cô đáng trọng và một trong những thiếu phụ đặc sắc nhất họ được biết. Khi Helena sang Hoa Kỳ năm 1873 và sau đó nhân chứng trở về Mỹ, đôi bên tiếp tục liên lạc và duy trì tình thân.

Lời vu khống khác nói Helena có nhiều người tình, có ba con và bé trai Yuri là kết quả của một trong những liên hệ đó. Trong khi ấy văn khố của hội tại Adyar còn tài liệu là sổ thông hành năm 1862 cấp cho "người vợ của ông Blavatsky và Yuri được hai ông bà bảo hộ". Mặt khác phản ứng của HPB là ý kiến mạnh mẽ rằng đoạn đời trước 1875 khi thành lập hội là chuyện riêng của mình, không là chuyện của ai khác, và cũng vì có lắm sự việc diễn ra trong thời gian ấy liên quan đến nhiều người nhất là gia đình tại Nga, cô sẽ không phơi trần mọi sự hay đưa ra giải thích nào. Nó chỉ gây thương tổn thanh danh những ai vô can, thí dụ cha mẹ của Yuri và thân nhân mà cô rất yêu quý.

Ta không khỏi tránh được nụ cười khi nhìn lại sự việc, Helena hứa danh dự với cha mẹ Yuri là nhận trẻ làm con và thề thốt lắm lần với mọi người rằng Yuri là con mình để làm họ tin (ngoại trừ gia đình cô vì họ biết sự thực, biết cha mẹ của Yuri). Nay nếu muốn đính chính thì phải nói ngược lại, xúc phạm đến người đã khuất là điều cô không muốn, tóm tắt là Helena há miệng mắc quai. Bởi tính khí ngang tàng, luôn nói thẳng ý nghĩ của mình không che dấu, Helena viết cho thân hữu là ai muốn nghĩ sao thì nghĩ về lời đồn đãi, mình cóc cần (I don't care!).

Năm 1890 tờ báo New York Sun cho đăng những chi tiết không thật này do kẻ thù của HPB cung cấp cùng nhiều vu khống khác. HPB nộp đơn kiện việc phỉ báng nhưng trong khi chờ xử thì bà qua đời năm 1891. Theo luật vụ kiện tự động hủy bỏ và tờ báo không còn sợ có tranh cãi gì, nhưng ngày 26-9-1892 tờ Sun làm việc đáng khen là tự ý đăng trong mục xã luận lời xin lỗi sau:

- Trên một trang khác trong báo hôm nay chúng tôi cho đăng bài của ông W.Q.Judge về cuộc đời kỳ lạ, khác thường của bà Helena P. Blavatsky thuộc hội Theosophia. Nhân dịp này chúng tôi xin ghi là ngày 20-7-1889 chúng tôi đã bị dẫn dụ sai lạc để đăng một bài của tiến sĩ E.F.Coues có chứa đựng nhiều cáo buộc về tư cách của bà Blavatsky và những người theo bà. Các cáo buộc nay được thấy là không có căn bản vững chắc, chúng tôi muốn thừa rằng không có chứng cứ nào cho các cáo buộc ấy và lẽ ra phải không đăng.

Một điểm cần lưu ý khi xem xét tài liệu của chính HPB để viết lại đời bà, là có lúc bà dấu địa danh chỉ viết ... trong thư từ liên lạc, hay thay nơi chốn thật bằng một tên khác nên ta không thể có sự chính xác hoàn toàn. Lý do của sự che dấu này là đôi khi việc liên hệ đến các Chân sư thí dụ như nơi ẩn cư hay hoạt động của các ngài, và HPB không muốn lộ cho thế giới biết chỉ gây phiền toái.

Ta cũng không thể dựa vào những chuyện HPB viết (thí dụ *From the Caves and Jungles of Hindostan*) để ấn định thời điểm, nơi chốn, nhân vật chính xác, vì HPB bảo rằng tuy sự kiện trong chuyện đúng thật, nhưng bà dùng quyền tưởng tượng của nhà văn để gộp chuyện mười năm trước vào cùng với chuyện mười năm sau thành thứ tự liên tục, có mạch lạc xuôi chảy hợp lý ! hoặc tô điểm chi tiết hoa lá cành, nói nôm na là thêm mắm muối để làm chuyện hấp dẫn.

Kế đó, nhân vật Sergei de Witte cũng nên được nói thêm cho rõ. Nhiều sách vở về HPB lấy tài liệu từ sách của ông *Memoirs of Count Witte*, nhưng có thắc mắc nêu ra về tính xác thực của chi tiết trong sách, và ngay cả tính xác thực của tác giả, tức không biết tác giả có thực là bá tước Witte hay ai khác. Bởi sách xuất bản năm 1921 sau khi ông đã qua đời, theo bản thảo mà chữ viết không phải đều là chữ của ông. Người ta nghi ngờ rằng đó là thời chế độ cộng sản tại Nga vừa cầm quyền, họ có thể muốn làm hạ uy tín các nhân vật thuộc chế độ cũ của Nga hoàng, do đó không chùng đã sửa đổi hời kỳ của bá tước Witte. Nhiều chi tiết trong sách sai lạc một cách phi lý trong khi người ta có thể dễ dàng kiểm chứng, như nói rằng hội được thành lập tại Anh và sau đó HPB cư ngụ tại Paris cùng qua đời ở nơi ấy.

Chót hết, hai nguồn tài liệu khác về HBP cũng bị đánh dấu hỏi về tính xác thực, đó là hai loạt thư nói rằng do HPB viết, một mang tên *The Dondoukoff-Korsakoff Letters*, và loạt kia trích đăng trong sách *A Modern Priestess of Isis* của tác giả Solovioff. Tác giả Fuller chứng minh trong sách *HPB and Her Teachers* rằng chúng giả mạo, với nội dung nhằm hạ uy tín của HPB, lối viết không phải là cung cách của HPB, cũng như có mờ ám trong việc thư được rao bán trong thị trường sách hiếm. Thư được tạo ra để bán cho kẻ thù của bà sau khi bà qua đời, nhưng không nhà buôn bán sách hiếm nào chịu mua vì họ nghi ngờ xuất xứ. Rốt cuộc hội được mời chào mua thư và cuối cùng được tặng không. Bởi thiếu kinh nghiệm về mặt này hội tưởng là thư thật, sử dụng chúng và in thành sách tức cuốn hai *HPB Speaks*. Chuyện chưa chấm dứt ở đây, vì quyển này được nhiều người sử dụng để viết về HPB, trong đó có sách *When Daylight Comes* của Howard Muffet. Vì vậy bạn đọc nên lưu ý.

Còn thư trong *A Modern Priestess of Isis* thì sách được xuất bản sau khi HPB qua đời do đó không thể đối chất. Chỉ có lời của tác giả Solovioff nói rằng thư do HPB viết, mà ông không thể đưa bản chính để chứng thực cũng như không có bản sao. Hoàn toàn không có tờ nào cho ta cầm lấy mà chỉ có chữ in trong sách. Một nhân vật đương thời là tiến sĩ A.L.Rawson từng quen biết với bà viết sau khi bà mất là:

- Bà Blavatsky là nạn nhân của lời phỉ báng độc ác trong nhiều năm nhưng bà bắt buộc tôi phải giữ yên lặng trong khi một lời là đủ để thanh minh cho bà.

CHƯƠNG VI

New York.

Helena sang New York tháng 7-1873 gần như không có đồng xu nào, cũng từ đây bà yêu cầu thân hữu gọi mình là HPB nên ta sẽ dùng chữ này trong bài. Trước khi rời Pháp HPB có cho cha hay và dặn gửi tiền cho mình tại tòa lãnh sự Nga ở New York, nhưng khi tới hỏi thì được trả lời là không có thư gì của đại tá Hahn cho con gái. Sự việc là đại tá Hahn qua đời ngày 15-7, cũng như sau đó gia đình chờ xong thủ tục pháp lý mới chuyển phần gia tài của HPB sang Mỹ cho bà vào tháng 10. Nó có nghĩa HPB gặp khó khăn tài chính trong thời gian đó. Để sinh sống HPB làm hoa giả, vẽ mẫu quảng cáo và ngụ tại nhà trọ ít tiền dành cho phụ nữ. Khi nhắc lại khoảng đời này HPB luôn tỏ ý biết ơn những người đã cho bà việc làm, mà cũng nhờ vậy ta có được các nhân chứng trong nhà trọ nói về con người HPB. Họ mô tả HPB tỏ ra uy lực, bà biểu lộ cho thấy có tài về trang trí, hội họa và âm nhạc và khi có ai hỏi thì nói rõ quá khứ của họ khiến người hỏi rất khâm phục. Người ta cũng chứng kiến khả năng siêu hình của HPB, cho ra nhận xét về con người của HPB giống như quan sát của những người khác về sau là ăn nói thẳng thắn, không biết sợ và sẵn lòng bênh vực người yếu thế.

Khi có người muốn nhờ HPB tiếp xúc với thân nhân đã qua đời, HPB bảo là chuyện ấy bất khả vi thân nhân nay thuộc về những việc cao hơn và ở ngoài tầm liên lạc. HPB tỏ ra không hề để bụng chuyện cá nhân, người chung quanh thấy bà có thể tỏ ra bất bình, tức giận nhưng không hề nhắm tới người hay vật riêng rẽ mà có tính vô tư. Họ nói lên đặc tính của HPB là không kiêng nể một ai hay điều gì, khi có trái ý thì bà mạnh mẽ bày tỏ ý kiến làm người khác kinh ngạc.

HPB qua New York mang theo một khoản tiền lớn, nó được dành cho chuyện mà bà không biết nên cho dù túng quẫn, bà vẫn không sử dụng số tiền. Không lâu sau đó HPB được lệnh đi Buffalo mà không biết để làm chi. Khi đến thành phố này bà được trao số tiền cho người tại địa chỉ nọ, không cần giải thích mà chỉ cần lấy biên nhận và ra về. HPB làm y vậy thì thấy đó là một người đàn ông tại địa chỉ trên, đang ở trong tình trạng tuyệt vọng. Bà đến lúc ông đang viết thư vĩnh biệt gia đình, bên cạnh có khẩu súng để sẵn cho ông tự sát sau đó nếu không nhờ HPB đến. Về sau HPB nói rằng có vẻ như người đàn ông rất đáng quý trọng này bị lường gạt mất số tiền trên mà ông cần cho việc dẫn đến những biến cố quan trọng trên thế giới. Do đó số tiền cần được hoàn lại cho ông trong cuộc khủng hoảng này và bà là tác nhân được ủy thác phần việc ấy.

Nhận được phần gia tài của gia đình gửi qua vào tháng 10-1873 HPB dùng số tiền đầu tư vào nông trại nuôi gà, hùn chung với người khác và tới sống ở trang trại này vào tháng 7-1894. Tuy nhiên có sự lường gạt trong việc hùn hạp, HPB bỏ kế hoạch mở trại gà lấy trứng mà trở về New York nhờ pháp luật phân xử, thu lại được phần vốn đã ứng ra. Thời gian này có vẻ như không định hướng trong việc làm của HPB, nhưng nhìn theo khía cạnh khác thì nó là sự chờ đợi thời điểm thuận tiện, tụ họp các nhân vật và cơ hội cần thiết tức sự xuất hiện của ông Olcott và những buổi cầu hồn ở trang trại Eddy. Bởi ông Olcott từ đây có sinh hoạt gắn liền với HPB và với hội, trước khi tiếp tục chuyện ta cần trình bày thân thế để hiểu rõ vai trò và sự đóng góp lớn lao của ông cho hội.

Henry Steel Olcott

Ông gốc người Anh, gia đình lập nghiệp tại Hoa Kỳ được khoảng tám đời tính đến ông, theo đạo Tin lành phái Methodist. Ông sinh ngày 2-8-1832, khi đang theo học ngành canh nông tại đại học Columbia thì thương

ng nghiệp của ba ông thất bại, khiến ông phải bỏ dở việc học. Ông về làm việc ở trang trại tại Ohio, đọc sách về thuật thôi miên, thực tập và thấy mình có khả năng làm giảm đau cho người khác nhờ thuật. Ông thực hiện một số phương pháp mới về canh nông khiến được biết tiếng, chính phủ Hy Lạp mời ông dạy ngành canh nông tại Athens năm 23 tuổi nhưng ông từ chối. Thay vào đó ông mở trường canh nông tại Mount Vernon, sang Âu châu nghiên cứu về ngành này, viết sách do đại học Yale xuất bản về canh nông. Ông cũng viết những bài báo về ngành của mình, nhưng mở rộng công việc ký giả sang những phạm vi khác, như đến tận chỗ tường thuật về các biến cố của miền nam trong những ngày trước cuộc nội chiến Nam Bắc của Hoa Kỳ. Ông lập gia đình năm 1860, hai ông bà có hai con trai nhưng bởi không cùng xu hướng nên về sau cuộc hôn nhân tan rã.

Năm 1861 nội chiến xảy ra, ông nhập ngũ vào quân miền bắc chủ trương bãi bỏ chế độ nô lệ. Ông được chỉ định vào ngành truyền tin, sau đó mắc bệnh sốt rét và kiết lỵ nên phải giải ngũ, nhưng rồi được giao cho việc điều tra nạn đầu cơ trong quân nhu của bộ binh làm công quỹ bị thiếu hụt nặng, được phong cấp bậc đại tá. Thượng cấp tỏ ra rất hài lòng với kết quả và khi hải quân mở cuộc điều tra tương tự, bộ trưởng hải quân hỏi mượn ông từ bộ binh để làm việc ấy. Khi tổng thống Lincoln bị ám sát thiệt mạng ngày 14-8-1865, bộ trưởng chiến tranh cho triệu hồi và chỉ định ông vào tiểu ban ba người để điều tra vụ ám sát. Sau đó ông tốt nghiệp luật năm 1868, bắt đầu hành nghề này tại New York chuyên về những vụ liên quan đến quan thuế, thuế và bảo hiểm với thân chủ là thành phố New York, thị trường chứng khoán New York, các hãng bảo hiểm, ngân hàng, công ty hỏa xa Panama và xưởng thép của Anh United Steel Manufacturers of Sheffield.

Nghề nghiệp thành công nhưng cuộc hôn nhân không hạnh phúc, vào thời điểm của chuyện (1874) ông đang sống riêng tại New York trong khi chờ hoàn tất thủ tục ly dị. Vào tháng 7-1874, lúc ngồi ở văn phòng trợ vợ vẫn nghĩ tới một hồ sơ đang lo cho thành phố New York về việc đặt đồng hồ nước, ông lan man nhớ rằng đã mấy năm chưa theo dõi phong trào Thông linh học. Cảm nghĩ ngày càng mạnh khiến ông ra phố tới sạp báo mua tờ báo chuyên về sinh hoạt này, đọc trong báo có tin nói một nông trại ở Chittenden thuộc tiểu bang Vermont có vong linh hiện hồn với hình thể đặc. Đây là nông trại của gia đình Eddy với hai người đồng chính yếu là anh em William và Horatio.

Ông lấy xe lửa đi ngay, ở lại trại vài ngày quan sát rồi phải trở về New York lo việc văn phòng. Tới tháng chín ông xuống trại lần nữa, viết bài cho báo mô tả sự việc. Ông đi Vermont lần thứ ba vào 14-10, ghi lại trong hồi ký rằng đó là ngày nắng đẹp, cây cối đổi màu lúc chớm thu khiến phong cảnh với lá vàng óng và đỏ rực trông giống như trải thảm lông lầy của triều vua. Bước vào trại, một người trong số các khách đến xem hiện tượng làm ông chú ý. Đó là một phụ nữ mặc áo đỏ, tóc mượt như tơ, dầy, màu vàng dợn sóng đến tận chân tóc như lông tru, nói tiếng Pháp với người bạn cùng đi với bà. Vì vậy khi thấy bà lấy ra điều thuốc, ông bước tới đưa ra bật lửa mời thuốc cho bà và nói:

- *Permettez moi, Madame.*

Nhớ lại lần đầu gặp gỡ ấy, nhiều năm sau ông Olcott nhận xét là công việc chung của ông và HPB bắt đầu bằng khói nhưng khuấy động lên ngọn lửa vĩ đại không ngừng. Ấn tượng đầu tiên của ông về cuộc nói chuyện là ông chưa hề gặp ai đặc sắc và lạ lùng như thế. Ông tả bà có gương mặt rộng nhưng đầy uy lực, thanh nhã và đường bệ khác hẳn những khuôn mặt bình thường trong phòng. Sự thu hút giữa hai vị nằm ở điểm họ có phần việc chung phải làm, ông Olcott luôn nhấn mạnh rằng ngay từ thuở ban đầu người này không hề nhìn người kia như kẻ khác phái, họ chỉ là bạn và tình cảm của ông đối với bà giống như đối với một người đàn ông khác, hơn là đối với một phụ nữ. Ông thêm rằng về ngoài, cách ăn nói và hành động nói rõ HPB không có phái tính. Tới cuối tuần ông gọi HPB với tên thân mật là Jack.

HPB lưu tại trại Eddy hai tuần nhưng ông Olcott ở tới tháng 11 mới về New York, mỗi tuần hai lần ông

viết bài tường thuật cho báo tại New York. Từ khi HPB dự những buổi cầu hồn, có nhiều vong linh hiện ra hơn chỉ vì bà tạo ra chúng để thí nghiệm mà người khác kể cả ông Olcott không hay, vì bà không nói cho ai rõ. Bà viết:

- Hình hiện ra không phải là chúng có rằng người ấy đã qua đời, vì tôi tạo nên những hình của người mà tôi tin đã khuất vào lúc đó, nhưng về sau biết ra là họ vẫn còn tại thế. Tôi tạo ý tưởng trong trí, nó giống như cái khuôn hình dạng của người và được tung vào thể tinh cảm của người đồng. Trong những buổi cầu hồn đó tôi không hề gặp được vong linh ai tôi muốn gặp, mà chỉ trong giấc mơ hay trong linh ảnh tôi mới được tiếp xúc trực tiếp với thân nhân ruột thịt và bạn hữu, những ai có tình thương tinh thần mạnh mẽ với tôi. Vì những lý do về từ lực, vỏ (shells, tức thể tinh cảm bị bỏ lại lúc con người thật rời cõi tinh cảm lên cõi cao hơn) của người thương yêu ta rất nhiều sẽ không đến với ta, ngoại trừ một thiểu số rất ít. Họ không cần làm thế vì trừ phi là người rất đổi xấu, họ có chúng ta trong cõi Devachan chung quanh họ, có đối tượng là những ai mà họ thương yêu lẫn những đấng họ tôn thờ, kính mến.

Vỏ một khi tách rời khỏi linh hồn không có điểm chung nào với cái sau. Nó không bị thu hút về người thân hay bạn bè mà về những ai nó có ái lực mạnh nhất về thể chất, nhục dục. Như thế vỏ của người nghiện rượu sẽ bị lôi cuốn về ai nghiện rượu hay có sẵn lòng ham thích uống rượu. Trong trường hợp đó cái vỏ sẽ làm nảy nở ham thích này, bằng cách dùng thể của người sống làm thỏa mãn thèm khát của nó, và ai qua đời lúc còn đầy ham muốn tinh dục với người tình còn sống thì cái vỏ sẽ bị thu hút về người sau.

Vỏ là rác thải ra ở cõi tinh cảm, nó không lên được cõi cao cùng với linh hồn. Tôi thường kinh hãi và ghê sợ thấy vỏ tách khỏi thể tinh cảm của người đồng, khoác lấy bộ dạng của ai đó, giả làm thân nhân của khách tới dự buổi cầu hồn làm khách hân hoan mừng rỡ, thành tâm tin đó là thân quyến đã quá vãng nay trở về để gặp họ cùng cho hay có sự sống bên kia... Phải chi họ biết được sự thật, phải chi họ tin ! Nếu họ thấy như tôi hay thấy, rằng nó là một sinh vật quái dị không có hình dạng chộp lấy một người khách trong buổi cầu hồn, quần trùm họ như cái khăn phủ màu đen và chậm chạp biến mất vào thân hình của khách, như thấm qua các lỗ chân lông. Những vỏ này tiếp tục sống nhờ sinh lực của hàng trăm khách đến xem và của người đồng. Nhờ sự chỉ dẫn của Chân sư tôi nhận thấy:

* Những hình thật hiện ra ở trại Eddy là vong linh của người đã sống và qua đời trong vùng núi này.

* Hình của ai chết ở xa hơn thì hiện ra không trọn vẹn, có trộn lẫn với hình ảnh còn vương vấn trong hào quang của khách mà cái vỏ muốn hiện ra cho thấy.

* Hình giả mạo hoàn toàn, tức không phải những vỏ kích thích thể của người đồng, mà thể của họ đồng hóa một cách vô thức với hình ảnh của thân nhân hay bạn hữu đã khuất chứa trong thể của khách đến xem.

Cảnh tượng thật ghê sợ nhưng khách lại òa khóc vì mừng rỡ sung sướng, tưởng thật là gặp lại thân quyến làm tôi tủi lòng cho họ. Tôi hay ước phải chi họ biết hình giống thân nhân này chỉ thuần là những đam mê thuộc cõi trần, tật xấu, tư tưởng phàm tục, cặn bã còn sót lại của thân nhân, cái không thể lên cõi thanh chỗ của tâm linh và linh hồn, bị thải ra trong bầu không khí trần tục và là cái mà người đồng thấy. Những hình hiện ra có thể giống hình của người đã khuất nhưng không phải là linh hồn họ, mà chỉ là hiện tượng do vỏ tạo ra.

Ta ghi nhận rằng HPB có phân biệt rõ ràng giữa linh hồn người đã khuất và cái vỏ họ bỏ lại ở cõi tinh cảm. Theo tiến trình tự nhiên của sự sống, con người chết lần thứ nhất ở cõi trần khi rời bỏ xác thân và bước qua cõi tinh cảm, sau một thời gian ở đó ta "chết" lần thứ hai khi rời cõi này để sang cõi trí, bỏ lại thể tinh cảm ở cõi

trung giới. Thế tinh cảm khi ấy thành cái vô, ngôi nhà bỏ không vô chủ, trôi vật vờ nơi đây, có thể làm linh hoạt nhờ năng lực của đồng cốt và khách dự buổi cầu hồn.

Giống như nhiều việc khác HPB làm, không phải ngẫu nhiên mà bà đến trại Eddy xem hiện hình, hay tình cờ gặp ông Olcott mà ghi rằng mình được lệnh tới đây với ít nhất hai mục đích:

- Thứ nhất là để gặp và làm quen với ông Olcott
- Thứ hai là để hỗ trợ phong trào Thông linh học.

Điều sau nên được nói rõ. Ta sẽ thấy mục tiêu của HPB và Thông linh học khác nhau rất xa, HPB muốn truyền bá MTTL và chống đối mạnh mẽ việc tìm cách liên lạc với người đã khuất, bà chủ trương phát triển thiên tính của con người mà không chú trọng đến việc tạo hiện tượng, là những điều mà Thông linh học quan tâm muốn nghiên cứu. Tuy nhiên trong giai đoạn đầu HPB tham dự phong trào Thông linh học để kêu gọi thế giới chú ý đến cõi vô hình và những quyền năng huyền bí (tuy nó không huyền bí cho ai biết luật), bênh vực sự thật trong những khám phá của khoa này, nhằm làm đảo ngược khuynh hướng duy vật của con người lúc đó. Vì thế bà tạo ra hiện tượng trong buổi cầu hồn như ta thấy, lên tiếng ủng hộ người đồng khi biết họ chân thật và bị kẻ khác tấn công vì ác ý hay thiếu hiểu biết, cùng giúp Thông linh học tránh nguy cơ mà họ chưa biết. Đó là vì một số người lợi dụng lòng tin thiếu hiểu biết của công chúng để trục lợi cá nhân, khiến Thông linh học bị mang tiếng, giới trí thức bác bỏ bằng chứng về cõi vô hình và quyền năng chưa được giải thích. Thế nên tuy bênh vực sự thật về Thông linh học, phần việc khác của HPB còn là trung ra sự giả mạo nếu có khi nó bị lợi dụng.

Công chúng rất tò mò về các hiện tượng nên các bài tường thuật trên báo của ông Olcott được chăm chú theo dõi. Mức độ chú ý cao khiến ông viết chuyện thành sách, và những bài báo được HPB dịch sang tiếng Nga để đăng tại Moscow. Mặt khác HPB tạo thêm nhiều hiện tượng cho thân hữu xem, dần dần ông Olcott khám phá rằng khác với người đồng bình thường bị vong linh chế ngự và làm theo ý muốn của chúng, HPB kiểm soát tinh linh sai khiến chúng thực hiện ý bà như tạo việc hiện hình, nói khác đi không có vong linh mà hình hiện ra là do tinh linh tạo nên tuy người dự không phân biệt được. Khách đến chơi với HPB có thể đặt câu hỏi và được trả lời bằng tiếng gõ, thấy hiện hình, bắt tay được với hình, sờ được cả râu tóc, đầu của hình có nghĩa đó là thể đặc mà không phải như sương khói. Có lần ông Olcott tháo nhẫn đưa cho hình, muốn họ giữ trong tay một lúc để ông có kỷ niệm về buổi cầu hồn. Đáp lại hình tỏ ý muốn giữ luôn nhẫn khiến ông không vui, vì nhẫn có giá trị cũng như ông không có ý định tặng nhẫn cho vong linh không có thân hình chỉ có đầu và tay. Tối đến khi vào giường ông thấy nhẫn được đặt trên gối nguyên vẹn không suy suyến.

Ta ghi lại những chi tiết trên để nói rằng đây là hiện tượng có thật xảy ra trước mặt nhiều nhân chứng ngoài ông Olcott. Tính xác thực của nó còn được bảo đảm qua tư cách của ông, vì đã từng thực hiện một số cuộc điều tra trước kia ông thông thạo tâm lý và kỹ thuật lường gạt, nhận biết có dối trá hay không. Mỗi buổi cầu hồn ông và khách tham dự có những biện pháp hoặc để ngăn ngừa không có giả mạo, hoặc để khám phá nếu có; ta không đề cập chúng ở đây nhưng nếu muốn đọc giả có thể tìm hiểu thêm trong sách *Old Diary Leaves* by H.S.Olcott

Mục đích nhắm tới của các Chân sư là khiến thế giới lưu tâm đến cõi vô hình qua hiện tượng đồng cốt, và sau đó đi tới triết lý giải thích sự việc. Thông linh học được các ngài hỗ trợ vì nó được sự chú ý của những đầu óc trí thức và khoa học lúc bấy giờ, đây là tầng lớp mà các ngài muốn ảnh hưởng với hy vọng họ có nghiên cứu khoa học vấn đề tâm linh. Để thực hiện việc này, nương theo cơ hội lúc bấy giờ HPB lập *Société Spirite* tại Cairo nhưng chuyện không thành như ta đã thấy. Nay sang Hoa Kỳ HPB cố gắng lần nữa, khi có đồng cốt làm giả mạo hiện tượng gạt người đến xem và bị phác giác làm dư luận sôi nổi, làm mất uy tín của thông linh học khiến nó bị cười chê, bà lên tiếng trên báo biện hộ cho những đồng cốt đứng đắn và hiện tượng thực của họ tạo ra. Bà viết trong tập ký sự:

- Tôi được gửi tới nước này để trưng ra Chân Lý xuyên qua Thông linh học, và bốn phận của tôi là tổ lộ nó là gì cùng vạch rõ nó không là điều chi. Tôi e ngại không chừng đã tới đây quá sớm 100 năm trước khi thuận tiện vì tình trạng hoang mang hiện giờ của tâm trí người, bởi có vẻ như mỗi lúc người ta mỗi quan tâm đến vàng hơn là đến chân lý, lời phản đối và nỗ lực yếu ớt của tôi sẽ không có ảnh hưởng nào. Dầu vậy, tôi luôn sẵn sàng để nhập cuộc trận chiến lớn lao, và chuẩn bị đầy đủ để chấp nhận bất cứ hậu quả nào có thể đến... Thông linh học với hình thức hiện giờ cần phải chấm dứt không cho đi sâu hơn và hướng sang đường lối khác. Trong thế kỷ này những huyền tưởng và lý thuyết sai lạc của một số nhà thông linh học thật đáng xấu hổ...

Tôi được gửi từ Paris tới đây để chứng tỏ về các hiện tượng, rằng chúng là thực tại, và cho thấy sự sai lầm của lý thuyết thông linh học về 'linh hồn'. Nhưng làm cách nào để tôi có thể thực hiện việc ấy theo cách tốt nhất? Tôi không muốn ai ai cũng biết là tôi có thể tạo ra hiện tượng y như đồng cốt nhưng theo ý mình, vì tôi nhận được lệnh ngược lại. Tuy nhiên tôi phải giữ cho thực tại sống động trong tâm những ai theo duy vật nay quay sang theo thông linh học, giữ vững tính chân thực và tính khả hữu của hiện tượng. Chỉ vì vài đồng cốt giả mạo và bị vạch trần mà những người này có thái độ hoài nghi trở lại. Đó là lý do tại sao tôi đến dự những buổi cầu hồn, giúp Chân sư M và nhờ quyền năng của ngài làm hiện hình, tạo hiện tượng, khiến người theo thông linh học nói chung tin đồng cốt làm ra việc ấy... Tôi có làm sai chăng?... nhưng tôi phải cứu vãn tình trạng... Thế giới chưa được chuẩn bị để hiểu triết lý của huyền bí học, trước hết hãy để họ tự xác quyết rằng có sinh linh trong thế giới vô hình, dù là "linh hồn" của người đã khuất hay tinh linh; và rằng có những quyền năng ẩn tàng trong con người, cái có thể biến họ thành Thượng đế trên mặt đất.

Khi tôi mất đi trên cõi đời này, có lẽ người ta sẽ nhận ra động lực vô tư lợi của tôi. Tôi đã hứa dành đời mình trợ giúp con người thấy được Chân Lý, và tôi sẽ giữ lời. Hãy để xã hội cười chê và nhạo báng tôi, để có người gọi tôi là đồng cốt và theo thông linh học, và người khác gọi tôi là kẻ mạo danh. Sẽ tới ngày hậu thế hiểu tôi rõ hơn.

Chân sư M ra lệnh thành lập một hội, hội kín giống như hội Rosicrucian. Ngài hứa sẽ trợ giúp.

Những lời này viết khoảng tháng 3-1875.

Tháng 6-75, thư của bà cho thân hữu có đoạn:

- Sắp tới lúc thông linh học phải quét sạch những dẫn giải sai lạc, nhầm lẫn, những điều mê tín và ý tưởng dốt nát... Nó phải được trưng ra cho thấy như là một khoa học, một luật trong thiên nhiên... (mà không phải) sự đùa giỡn của lực và vật chất mù quáng.

Ngoài việc gây uy tín cho phong trào thông linh học bằng cách tạo hiện tượng ở những buổi cầu hồn và lên tiếng bênh vực đồng cốt chân chính, HPB còn viết bài cho báo chí New York về hiện tượng đồng cốt, việc siêu hình, hỗ trợ cho tạp chí về thông linh học qua bài viết và đóng góp tài chính. Bà chọn báo *The Spiritual Scientist* để góp sức vì cho rằng nó khá hơn cả trong những tạp chí về thông linh học lúc bấy giờ. Có vẻ như ông Elbridge Gerry Brown chủ bút tạp chí *The Spiritual Scientist*, được thí nghiệm là nhân vật thứ ba ngoài HPB và ông Olcott cho việc phong trào Theosophia xuất hiện trở lại (ta nói "trở lại" vì phong trào này đã có từ lâu và tái hiện đều đặn dưới hình thức này hay hình thức khác, trong thế kỷ 19 đó là hội Theosophia, và "thí nghiệm" vì sau đó ông Brown bỏ cuộc còn ông Olcott kiên trì). HPB và ông Olcott nhận được thư của các Chân sư đề nghị họ làm hai việc trên, và kêu gọi người ta mua báo năm để ủng hộ tạp chí. Tờ báo trong một khoảng thời gian từ tháng tư - 1875 đến tháng 9-1878, trở thành phương tiện cho nỗ lực của HPB nhằm cải tổ thông linh học tại Hoa Kỳ, với việc đánh động khiến công chúng ý thức rằng khoa này cần một triết lý để giải thích hiện tượng. Tờ báo